

Sức mạnh quốc gia và sử dụng sức mạnh đó của Trung Quốc

Lưu Thúy Hồng¹

¹ Học viện Báo chí và Tuyên truyền.
Email: luuthuyhongajc@gmail.com

Nhận ngày 13 tháng 11 năm 2015. Chấp nhận đăng ngày 12 tháng 12 năm 2015.

Tóm tắt: Sức mạnh quốc gia là tổng hợp sức mạnh về quân sự, kinh tế, chính trị, văn hóa, tư tưởng của một quốc gia. Trung Quốc trong 15 năm qua đã sử dụng khá hiệu quả sức mạnh quốc gia, bao gồm cả sức mạnh cứng và sức mạnh mềm. Việt Nam nước láng giềng với Trung Quốc rất cần có những đối sách phù hợp với chiến lược sử dụng sức mạnh quốc gia của Trung Quốc.

Từ khóa: Sức mạnh quốc gia, sức mạnh cứng, sức mạnh mềm, sử dụng sức mạnh, Trung Quốc.

Abstract: National power is the combination of the nation's/country's military, economic, political, cultural and ideological power. Over the past 15 years, China, a world power and Vietnam's neighbor, has utilised its national power in a rather effective manner. Both hard and soft powers have been used by it during the process.

Keywords: National strength, hard power, soft power, use of power, China.

1. Mở đầu

Bước vào thế kỷ XXI, trên thế giới luật chơi chưa được định hình đầy đủ; quan hệ chính trị quốc tế trở nên biến động không lường với những thăng trầm của sự phát triển toàn cầu; có nhiều xung đột lớn nhỏ về chính trị, tôn giáo, dân tộc, khoảng cách giàu nghèo và sự va chạm giữa các giá trị; có nhiều cuộc chiến tranh, can thiệp bằng quân sự, kinh tế và văn hóa. Trong bối cảnh đó có sự dịch chuyển về chính sách của các quốc gia, đặc biệt của các nước lớn, sự dịch chuyển này bắt nguồn từ những đổi thay trong quan niệm về sức mạnh quốc gia cũng

như sử dụng sức mạnh quốc gia trên trường quốc tế. Bài viết phân tích quan niệm về sức mạnh quốc gia và xu hướng sử dụng sức mạnh quốc gia của Trung Quốc.

2. Sức mạnh quốc gia

Sức mạnh quốc gia (national power) là một thuật ngữ cơ bản và quan trọng trong lý luận quan hệ quốc tế, đã được nhiều nhà khoa học quan tâm luận giải.

Lương Văn Kế trong cuốn “Thế giới đa chiều: Lí thuyết và kinh nghiệm nghiên cứu khu vực” quan niệm rằng, sức

mạnh quốc gia là sức mạnh tổng hợp hay toàn bộ thực lực đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển của một quốc gia, bao gồm các nhân tố vật chất (phần cứng), tinh thần (phần mềm) [3]. Các tác giả của giáo trình “Quan hệ chính trị quốc tế” nhận định: “Sức mạnh quốc gia là sức mạnh tổng hợp của quốc gia, vô hình và hữu hình, nhân tố tự nhiên và nhân tố xã hội, nhân tố dân số và nhân tố lãnh đạo, tác động và ảnh hưởng ra bên ngoài nhằm thực hiện các lợi ích quốc gia” [7]. Kế thừa các quan niệm trên, tôi cho rằng, sức mạnh quốc gia là tổng hợp khả năng (hiện tại và tiềm tàng) về quân sự, kinh tế, chính trị, văn hoá, tư tưởng ở trong nước và việc nhà nước vận dụng các khả năng đó trong quan hệ chính trị quốc tế vì sự tồn vong và phát triển quốc gia.

Sức mạnh quốc gia được cấu thành từ khả năng kinh tế, văn hóa, chính trị, khoa học công nghệ, quân sự, lãnh thổ, địa lý... Những khả năng này được chia thành 3 dạng sức mạnh: sức mạnh cứng, sức mạnh mềm, sức mạnh thông minh.

Sức mạnh cứng (hard power) là sức mạnh vật chất. Xét về mặt hành vi đó là sự đe dọa và dụ dỗ. Sức mạnh cứng được chủ thể sử dụng trực tiếp tác động đến đối tượng buộc đối tượng phải phục tùng. Sức mạnh cứng được tạo bởi một số tiêu chí: dân số, lãnh thổ, tài nguyên thiên nhiên, sức mạnh kinh tế và quân sự. Sức mạnh cứng được tạo ra bằng cách sử dụng các nguồn lực này để thúc đẩy hành vi của chủ thể khác. Sức mạnh này có được phụ thuộc vào nguồn tài nguyên, vị trí địa lý - chính trị của đất nước đó. Joseph Nye cho rằng, sức mạnh cứng là khả năng sử dụng “cây gậy” và “củ cà rốt”, đại diện cho sức mạnh kinh tế và quân sự để buộc người khác phải tuân

theo ý muốn [10]. Ernest Wilson cho rằng đó là khả năng ép buộc chủ thể hành động theo cách mà họ không thể làm khác được [6]. Kurt Campbell và Michael O’Hanlon trong cuốn sách “Sức mạnh cứng: Chính trị an ninh quốc gia mới” xác định: sức mạnh cứng là việc sử dụng sức mạnh quân sự để đạt được mục tiêu quốc gia, bao gồm các hoạt động triển khai lực lượng mặt đất, hải quân và vũ khí có độ chính xác cao nhằm đảm bảo mục tiêu quốc gia quan trọng. Biểu hiện điển hình của sức mạnh cứng là sử dụng các biện pháp nhằm ép buộc hoặc đe dọa khiến đối tượng phải tuân thủ ý chí của chủ thể. Những biện pháp này có thể bao gồm việc sử dụng “cây gậy”, chẳng hạn như các mối đe dọa tấn công quân sự hoặc thực hiện các lệnh cấm vận kinh tế và cũng có thể bao gồm việc sử dụng “củ cà rốt” như cam kết bảo vệ bằng lực lượng quân sự hoặc giảm bớt các rào cản thương mại. Theo Kurt Campbell và Michael O’Hanlon, chiến thuật sức mạnh cứng có xu hướng thiên về can thiệp quân sự, trừng phạt kinh tế và ngoại giao cưỡng chế [5].

Như vậy, sức mạnh cứng được hiểu là toàn bộ những khả năng (hiện tại và tiềm tàng) về quân sự, kinh tế, ngoại giao, lãnh thổ, tài nguyên, dân số... được quốc gia sử dụng trong quan hệ chính trị quốc tế để gây sức ép buộc quốc gia hay chủ thể khác phải tuân theo ý chí của mình.

Việc sử dụng sức mạnh cứng trong quan hệ chính trị quốc tế tuy có thể khá dễ thực hiện với những nước có sức mạnh cứng lớn, đặc biệt là cường quốc về quân sự và kinh tế, nhưng lại tốn kém và không gia tăng hình ảnh quốc tế cho quốc gia, nhiều khi mang lại hậu quả nghiêm trọng (ví dụ việc Mỹ sa lầy ở Iraq, Afghanistan, sự không ổn định trong chính trị của Libya). Chính vì

thế, những năm đầu thế kỷ XXI, các chính trị gia và lãnh đạo lại nghĩ nhiều hơn đến việc sử dụng sức mạnh mềm.

Sức mạnh mềm (soft power) còn được gọi là sức mạnh tinh thần, lần đầu tiên được gọi tên vào năm 1991 trong cuốn: “Bound To Lead: The Changing Nature Of American Power” của Joseph Nye. Sức mạnh mềm là cách thức thực thi quyền lực gián tiếp, vì một quốc gia có thể đạt được kết quả mong muốn do quốc gia khác sẵn sàng tuân theo, học hỏi kinh nghiệm và công nghệ. Họ học tập hình mẫu, ngưỡng mộ giá trị truyền thống của một nước để tìm cách nâng cao trình độ phát triển và thịnh vượng xã hội [8, tr. 545-559]. Sức mạnh mềm dựa vào khả năng tạo ra chương trình nghị sự trong nền chính trị quốc tế dựa trên các quy tắc và ý tưởng. Joseph Nye còn cho rằng: sức mạnh mềm còn hơn là sự thuyết phục hoặc khả năng lay chuyển con người bằng tranh luận... Xét theo hành vi, thì sức mạnh mềm là sức mạnh thu hút. Về mặt nguồn lực, thì sức mạnh mềm là những thứ tạo ra sức hấp dẫn... Sức mạnh mềm chính là “khả năng khiến người khác muốn cái mà bạn muốn” và là “khả năng thông qua sự thu hút, hấp dẫn hoặc dụ dỗ của mình làm thay đổi hành vi của người khác, từ đó đạt được cái mà mình cần”. Sức mạnh mềm của một đất nước nằm chủ yếu trong 3 nguồn lực: văn hóa (tính thu hút đối với những người khác), giá trị chính trị (tư tưởng chính trị - khi quốc gia này hành xử đúng với những giá trị của mình trong cả môi trường trong và ngoài nước) và chính sách đối ngoại (khi chúng được xem xét như có tính hợp pháp và thẩm quyền về đạo đức) [8].

Theo Diêm Học Thông: “Sức mạnh mềm là nguồn lực chính trị trong nước và

ngoài nước của một quốc gia. Nói cách khác, đó là năng lực sử dụng và điều tiết sức mạnh cứng của quốc gia đó ở trong và ngoài nước”. Gallarotti lại nhấn mạnh hai nguồn chính của sức mạnh mềm: nguồn quốc tế (chính sách và hoạt động đối ngoại) và nguồn trong nước (chính sách và hoạt động đối nội) cùng nhiều nguồn bổ sung khác cho mỗi loại [10]. Mục tiêu của sức mạnh mềm là thúc đẩy hình ảnh tích cực của quốc gia nhằm thu hút quốc gia khác và cuối cùng giúp nâng cao ảnh hưởng trên phạm vi toàn cầu.

Như vậy, sức mạnh mềm là tổng hợp các khả năng của quốc gia (từ thể chế chính trị, văn hóa, chính sách, hệ tư tưởng...) tạo nên những giá trị có sức lôi cuốn làm cho các chủ thể khác tuân theo ý chí của quốc gia đó một cách tự nguyện (hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp). Chính vì thế, nếu một quốc gia thành công trong việc sử dụng sức mạnh mềm thì lợi ích nó mang lại sẽ có sức công phá lớn vì giá trị sẽ ăn sâu vào tư tưởng, hành vi, hình thành thói quen và niềm tin của đối tượng (vừa với tư cách cá nhân vừa với tư cách tổ chức) vào quốc gia chủ thể, tạo tính chính đáng cho quốc gia trong việc mở rộng ảnh hưởng và đạt lợi ích quốc gia. Tuy nhiên, việc sử dụng sức mạnh mềm trong quan hệ chính trị quốc tế là khá khó khăn do phải đầu tư nhiều thời gian và công sức, kết quả tương đối mong manh, dễ vỡ.

Chính vì những khó khăn và thách thức trong việc sử dụng riêng biệt sức mạnh cứng và sức mạnh mềm, nên thông minh nhất là sử dụng kết hợp. Sự pha trộn giữa “sức mạnh mềm” và “sức mạnh cứng” (vừa duy trì việc sử dụng sức mạnh quân sự, vừa tranh thủ truyền bá tư tưởng dân chủ, nhân quyền, văn hóa thông qua các kênh hợp tác, viện trợ...) chính là sức mạnh thông minh

(smart power). Chủ thể sẽ sử dụng một hay kết hợp nhiều công cụ sẵn có như ngoại giao, kinh tế, quân sự, chính trị, pháp luật và văn hóa cho mỗi tình thế ngoại giao nhằm thỏa mãn lợi ích. Khả năng kết hợp và sử dụng hiệu quả sức mạnh cứng và sức mạnh mềm tạo ra chiến lược thành công, trong đó sức mạnh cứng là khả năng để phát huy được sức mạnh mềm, giúp sức mạnh mềm thêm hấp dẫn. Ngược lại, sức mạnh mềm tạo khả năng cho việc hành động sức mạnh cứng tăng lên, có hiệu quả hơn.

3. Xu hướng sử dụng sức mạnh quốc gia của Trung Quốc

Do sức mạnh cứng có ưu điểm dễ sử dụng, có thể sử dụng bất cứ lúc nào, hiệu quả ngay lập tức và khả năng chiến thắng trước mắt đem lại lợi thế chính trị cho lãnh đạo của các cường quốc quân sự và kinh tế, nên hiện nay các nước lớn, trong đó có Trung Quốc, vẫn coi sức mạnh cứng (nổi bật với 3 khả năng truyền thống, đó là: quân sự, kinh tế và ngoại giao rắn đẽ) là công cụ ưu tiên khi cần sử dụng sức mạnh quốc gia trong quan hệ chính trị quốc tế. Đầu thế kỷ XXI, Trung Quốc trở thành nước có nền kinh tế lớn thứ 2 (xét về quy mô) và một trong những cường quốc quân sự hàng đầu trên thế giới. Sự phát triển được ghi nhận này trở thành cơ sở nền tảng quan trọng cho phép Trung Quốc sử dụng sức mạnh cứng trong quan hệ chính trị quốc tế nhằm nhanh chóng đạt lợi ích quốc gia. Trước hết, Trung Quốc dùng sức mạnh quân sự rắn đẽ các nước khác với phương châm không ngại va chạm. Cuối năm 2008, Trung Quốc điều tàu Khu trục hạm tới vùng biển

Somali. Tháng 3 năm 2009, Trung Quốc lại điều tàu lớn chặn tàu do thám Mỹ tại Biển Đông cũng như phô diễn các tàu ngầm nguyên tử và các chiến hạm lớn trong dịp kỷ niệm 60 năm ngày thành lập lực lượng hải quân của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được tổ chức tại Thanh Đảo hồi cuối tháng 4 năm 2009 và lập căn cứ quân sự khổng lồ tại đảo Hải Nam. Trong bối cảnh thế giới bất ổn khi ngay từ năm 2011 với “Mùa xuân Ả rập” xáo động cả vùng Bắc Phi và Trung Đông, thì bên bờ Thái Bình Dương, Trung Quốc cũng góp phần làm Biển Đông dậy sóng khi liên tiếp sử dụng sức mạnh quân sự để giành thế chủ động ép các nước đang tranh chấp tại đây với những động thái như ban hành lệnh cấm đánh bắt cá trên vùng Biển Đông, cắt cáp, bắt ngư dân, thành lập vùng nhận dạng phòng không (ADIZ), hạ đặt giàn khoan trái phép, xây dựng đảo nhân tạo trên diện tích 809 ha ở vùng biển tranh chấp, thậm chí ở các khu vực thuộc chủ quyền và quyền chủ quyền của các nước nhỏ hơn. Ngoài ra, Trung Quốc còn sử dụng ưu thế của mình trong quan hệ chính trị quốc tế để bật đèn xanh cho các nước phương Tây sử dụng sức mạnh quân sự can thiệp vào nước khác. Ví dụ điển hình là lập trường chính trị của Trung Quốc trong trường hợp Libya. Trung Quốc không sử dụng quyền phủ quyết khi Anh - Pháp đặt vùng cấm bay ở Libya, ủng hộ Nghị quyết 1973 của Liên Hợp Quốc, cho dù tháng 5 năm 2011, Trung Quốc đã tuyên bố: “Không thể có bất kỳ cố gắng thay đổi chế độ hay tham gia vào các cuộc nội chiến của bất kỳ bên nào dưới chiêu bài bảo vệ dân thường... Chúng tôi chống lại bất cứ ai cố ý giải thích lệch lạc Nghị quyết hoặc có hành động vượt quá những gì nghị quyết cho phép” [11]. Sau đó, Trung Quốc

đưa ra những bằng chứng chứng minh phương Tây đã lừa Trung Quốc ủng hộ Nghị quyết 1973. Cố vấn an ninh Nam Phi, Welile Nhlapo đã cho rằng: “Không thể tin được rằng một vài thành viên thường trực Hội đồng bảo an lại không hiểu ngụ ý của Nghị quyết với Gaddafi trong câu: “Dùng đến tất cả các biện pháp cần thiết”” [4, tr.55-70].

Bên cạnh sự can thiệp hay gây sức ép bằng quân sự, tiềm lực kinh tế cũng được Trung Quốc sử dụng triệt để. Tuy nhiên, Bắc Kinh lại xử lý con bài kinh tế hết sức linh hoạt và tế nhị theo kiểu mua chuộc, dụ dỗ hơn là bao vây, cấm vận kiểu Mỹ. Khi thế giới lâm vào khủng hoảng tài chính, Trung Quốc sử dụng chiến thuật “ngoại giao tiền bạc” để tăng cường ảnh hưởng với những động thái rất được lòng cộng đồng các nước có liên quan. Chẳng hạn, cuối tháng 3 năm 2009, Bắc Kinh đã hoán đổi ngoại tệ trị giá 95 tỉ USD với Hồng Kông và 5 nước là Hàn Quốc, Malaysia, Belarus, Indonesia và Argentina; cung cấp tín dụng tới 45 tỉ USD cho Nga, Brazil, Venezuela và Angola để đổi lấy nguồn cung cấp dầu thô dài hạn và sử dụng đồng nhân dân tệ để thanh toán, nhất là trong thương mại với ASEAN. Trung Quốc cam kết cho Châu Phi vay với lãi suất ưu đãi tới 15 tỷ USD trong hai năm 2008-2009, Trung Quốc nhập một lượng chưa từng thấy dầu, đồng, coban, mangan và những khoáng sản khác từ các nước Angola, Congo, Nigeria, Nam Phi, đồng thời xuất khẩu hàng hóa sang Châu Phi trị giá tới hơn 60 tỷ USD [4].

Tuy sử dụng sức mạnh cứng có thể giải quyết ngay và luôn mục tiêu trước mắt, nhưng xét một cách toàn diện, việc sử dụng sức mạnh này là quá tốn kém và nếu không khéo sẽ tạo ra hình ảnh không đẹp trong

mắt cộng đồng quốc tế, uy tín quốc gia trên trường quốc tế bị giảm sút, dẫn đến những phản ứng của cộng đồng, có thể xuất hiện trào lưu hình thành các liên minh chống lại Trung Quốc. Chẳng hạn, sau những hành động liên tiếp vi phạm luật pháp quốc tế của Trung Quốc tại Biển Đông, đặc biệt sau khi hạ đặt giàn khoan 981 trái phép tại vùng thềm lục địa và đặc quyền kinh tế thuộc chủ quyền và quyền chủ quyền của Việt Nam năm 2014, một loạt các nước trong khu vực và trên thế giới đã thể hiện sự phản đối chống lại Trung Quốc, thậm chí Nhật Bản còn kêu gọi thành lập liên minh chống Trung Quốc tại Biển Đông. Gần đây nhất, đáp trả lại những mối đe dọa từ bên ngoài (ám chỉ Trung Quốc) vào tháng 7 năm 2015, Hạ viện Nhật Bản đã thông qua dự luật An ninh cho phép Nhật Bản có thể tham chiến ở nước ngoài và Dự luật này đã được Thượng viện Nhật Bản thông qua vào tháng 9 năm 2015.

Nhằm tạo sự ảnh hưởng bền vững, Trung Quốc bước vào thế kỷ XXI đã vận dụng và phát huy sức mạnh mềm song song với sức mạnh cứng. Hồ Cẩm Đào ngay sau khi cầm quyền đã tuyên bố rằng: “Nền văn hóa Trung Quốc không phải của chỉ riêng người Trung Quốc, mà là của toàn thế giới. Chúng ta sẵn sàng thúc đẩy giao lưu văn hóa với toàn bộ thế giới với nỗ lực chung thúc đẩy sự phát triển văn hóa” [13]. Ngày 3/11/2003, Trịnh Tất Kiên (trong bài phát biểu trình bày tại Diễn đàn Bắc Ngao với tiêu đề: “Con đường trời dậy hòa bình mới của Trung Quốc và tương lai Châu Á”) đã đưa ra thuật ngữ Trung Quốc “trời dậy hòa bình”. Ôn Gia Bảo thăm Đại học Harvard cũng đề cập tư tưởng “trời dậy hòa bình”. Dương Khiết Trì nhấn mạnh: đây là lựa chọn chiến lược “phương châm ngoại

giao”, cần kiên trì lâu dài; Trung Quốc dùng phương thức hòa bình để trỗi dậy chứ không dùng phương thức chiến tranh để đối phó với các nước trong quá trình trỗi dậy; sự trỗi dậy của Trung Quốc không đe dọa bất kỳ quốc gia nào, trái lại có lợi cho hòa bình ổn định và phát triển của khu vực và “Trung Quốc phát triển hòa bình là lựa chọn chiến lược”. Một chính sách tỏ ra mềm dẻo và biết điều phần nào xoa dịu những nước không va chạm trực tiếp với lợi ích của Trung Quốc, tạo cảm giác yên tâm khi quan hệ với Trung Quốc. Ngay cả với những nước được coi là cạnh tranh, trong lịch sử đã có những thù hận nhất định như Nhật Bản, có những lúc Trung Quốc cũng tỏ ra hết sức nhẹ nhàng. Chẳng hạn, Ôn Gia Bảo phát biểu tại Tokyo năm 2006: “Tôi đã chuẩn bị rất kỹ. Mọi câu chữ ở đây đều do tôi tự viết và tự nghiên cứu. Tại sao? Bởi vì tôi hiểu rằng, sự phát triển của hai dân tộc chúng ta đã đến thời điểm lịch sử quan trọng. Chúng ta cần phải có môi trường hòa bình và thông suốt” [7]. Điều này cũng là giá trị lớn tạo sự cuốn hút từ chính sách đối ngoại của Trung Quốc với các nước khác. Thêm vào đó, Trung Quốc rất ý thức được lợi thế của mình, nên bước vào thế kỷ XXI, Bắc Kinh đã có xu hướng kết hợp giữa “ngoại giao tiền bạc” với “ngoại giao văn hóa”, coi trọng quảng bá “mô hình Trung Quốc” ra khắp thế giới. Để thực hiện chính sách này, Trung Quốc liên tục có những bước đi mạnh mẽ: đầu tư hàng tỷ USD cho thông tin đối ngoại nhằm kiến thiết hình ảnh một Trung Quốc thân thiện, cởi mở và phát triển hòa bình bắt đầu từ Đại hội Olympic Bắc Kinh năm 2008. Năm 2009, Trung Quốc khai trương kênh thông tin đối ngoại truyền hình mới giống kiểu CNN phát bằng tiếng Anh 24/7 giờ phủ sóng toàn

thế giới, đồng thời thêm 2 kênh bằng tiếng Nga và Ảrập. Tờ báo Global Times bằng tiếng Anh cũng chính thức ra mắt bạn đọc vào năm 2009. Một số kênh truyền hình trong khu vực như “Metro TV” của Indonesia, “Channel News Asia” của Singapore xây dựng các bản tin hoàn toàn bằng tiếng Trung Quốc phổ thông phủ sóng ra toàn khu vực. Từ năm 2004, Trung Quốc bắt đầu xúc tiến thành lập Học viện Khổng Tử ở Hàn Quốc; đến nay số lượng đã lên tới 450 Học viện ở trên 100 quốc gia trên thế giới [18]. Đại học Seoul (Hàn Quốc) đã chính thức tuyên bố lấy tiếng Trung Quốc thay cho tiếng Anh làm ngoại ngữ chính trong các chương trình đào tạo từ tháng 12/2003. Trung Quốc còn đào tạo trên 100 nghìn sinh viên Châu Phi tại Trung Quốc và cử hơn 15.000 bác sĩ sang làm việc tại Châu Phi. Bên cạnh những hoạt động này, số lượng lưu học sinh nước ngoài đến học tại Trung Quốc đang ngày càng lớn. Các loại hình văn hóa như ẩm thực, thư pháp, đồ chơi, trang phục, điện ảnh, âm nhạc, truyện ... có xuất xứ từ Trung Quốc lan rộng và hiện diện khắp nơi trên thế giới.

Trong suốt 15 năm đầu thế kỷ XXI, Trung Quốc sử dụng khá hiệu quả sức mạnh quốc gia. Qua phân tích có thể thấy rằng, Trung Quốc không quá coi trọng loại hình sức mạnh nào. Bắc Kinh sử dụng rất linh hoạt, khi cần thiết họ sẵn sàng sử dụng sức ép về quân sự, ngoại giao, mua chuộc, dụ dỗ về kinh tế đồng thời đưa ra chính sách đối ngoại hấp dẫn, mềm dẻo cùng với sự quảng bá về giá trị văn hóa, giá trị thể chế chính trị Trung Quốc.

Thời gian tới, trong bối cảnh toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ, tương quan lực lượng các quốc gia thay đổi khó lường trước, các vấn đề toàn cầu ngày càng trầm trọng,

Trung Quốc sẽ tiếp tục sử dụng chiến lược này (chính là biểu hiện của sức mạnh thông minh nếu áp vào quan niệm về sức mạnh quốc gia ở trên). Bởi lẽ, khi sức mạnh Trung Quốc đang ngày càng được củng cố, việc sử dụng sức mạnh quân sự, sức ép ngoại giao và kinh tế là điều có thể hiểu. Nhưng họ cũng ý thức được rằng: trong thế giới phẳng, một quốc gia tập trung quá nhiều vào việc gây sức ép cho các nước khác sẽ kéo theo sự nghi kỵ hay chống đối của các quốc gia. Hậu quả là có thể nảy sinh chạy đua vũ trang, xung đột, tẩy chay kinh tế, gây nên tình thế bất lợi đối với an ninh và lợi ích của chính quốc gia đó. Vì vậy, muốn phát triển vững chắc và tăng cường vị thế của một quốc gia với tư cách là cường quốc toàn cầu thì phải chia sẻ gánh nặng và trách nhiệm với các cường quốc khác, phải chú trọng nhiều hơn vào sức mạnh mềm. Đó là đường rút, nguồn bổ trợ hiệu quả cho sức mạnh cứng như nhận định của các nhà nghiên cứu quốc tế: “Những quốc gia có thể phát huy tác dụng trong cộng đồng quốc tế và nhận được sự tôn trọng đều là những quốc gia có đầy đủ cả thực lực cứng và thực lực mềm” [9].

4. Kết luận

Việt Nam là một láng giềng độc lập ngay cạnh Trung Quốc, Việt Nam rất cần có những đối sách phù hợp với chiến lược sử dụng sức mạnh quốc gia của Trung Quốc để phòng tránh những tình huống đáng tiếc có thể xảy ra. Dù là đối sách gì đi chăng nữa, thì điều quan trọng nhất Việt Nam cần phải có thực lực. Đó là tiềm lực về quân sự, khả năng về kinh tế và sức hút về các giá trị (văn hóa, tư tưởng, chính sách đối nội và

đối ngoại mềm dẻo, hợp lý, đầy thiện chí và có trách nhiệm). Thực lực quốc gia chính là cơ sở để Việt Nam bảo vệ thành công chủ quyền quốc gia lợi ích chính đáng của và dân tộc Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- [1] Học viện Quan hệ quốc tế (2007), *Cơ sở lý luận Quan hệ quốc tế*, Hà Nội.
- [2] Học viện Báo chí và Tuyên truyền (2008), *Giáo trình Quan hệ chính trị quốc tế*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [3] Lương Văn Kế (2007), *Thế giới đa chiều: Lí thuyết và kinh nghiệm nghiên cứu khu vực*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
- [4] Harry Verhoeven (2014), “Is Beijing’s non-interference policy History? How Africa is changing China?”, *The Washington Quarterly*, Vol 37, No 2.
- [5] Kurt Campbell and Michael O’Hanlon (2006), *Hard power: a new politics of national security*, Published by Basic Book.
- [6] Joseph Nye (2002 - 2003), “Limits of American Power, Political Science Quarterly”, *The Academy of Political Science*, Vol. 117, No4.
- [7] Lee Kuan Yew, Post – 9/11 Balance of influence in Asia Pacific, Forbes, 2007.
- [8] Nye, Joseph S. Bound To Lead: The Changing Nature Of American Power, 1991.
- [9] http://www.unc.edu/~fbaum/teaching/articles/Dahl_Power_1957.pdf
- [10] <http://wescholar.wesleyan.edu/cgi/viewcontent.cgi?article=1056&context=div2facpubs>
- [11] <http://the.diplomat.com/2011/03/Chinas-Prickly-Gaddafi-ties>
- [12] <http://www.ernestjwilson.com>
- [13] www.australiapolitics.com/news/2003
- [14] <http://nghiencuuquocte.net/2013/06/03/power-changing-nature/#sthash.DbIJteeM.dpuf>

